TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 02 -2020
(V/việc xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Diệp Chí Nguyện
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Cúc
Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 826/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 967/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Lữ Trung V, sinh năm 1982.
Địa chỉ cư trú: Khóm T, TT R, huyện N, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)
- ***Bị đơn***: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1980.
Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Khóm T, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.
Chỗ ở, đăng ký lưu trú: số 18/2, L, khóm T, phường T, Tp. C. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Anh V trình bày, anh và chị Nguyễn Thị M có tổ chức cưới gả theo phong tục vào năm 2011, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, không có tiếng nói chung, không quan tâm yêu thương lẫn nhau và đã sống ly thân khoảng 07 năm. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Nay anh nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Anh V xác định có 01 con chung tên L, sinh ngày 12/11/2012 hiện đang sống với chị M. Khi ly hôn anh đồng ý để cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề gì khác.

- Về tài sản chung: Anh V xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh V xác định không có.

Đối với chị Nguyễn Thị M Tòa án đã cấp tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị M từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, chị M

đã vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ hai và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án. Do đó, tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt chị M.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của anh Lữ Trung V về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị M thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Chị M là bị đơn có đăng ký lưu trú trước khi anh V nộp đơn khởi kiện tại địa chỉ 18/2, L, khóm T, phường T, Tp.C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Anh V trình bày, anh và chị Nguyễn Thị M có tổ chức cưới gả theo phong tục vào năm 2011, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau. Anh V xác định vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, không có tiếng nói chung, không quan tâm yêu thương lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không mang lại kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 07 năm, hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị M. Đối với chị M không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, xem như chị M từ bỏ quyền trình bày của mình.

Xem xét đơn khởi kiện của anh V: Về mâu thuẫn anh V xác định hiện cả hai đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với chị M. Xét thấy, yêu cầu của anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn theo yêu cầu của một bên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh V về việc xin ly hôn đối với chị M.

[3] Về con chung: Anh V xác định có 01 con chung tên L, sinh ngày 12/11/2012 hiện đang sống với chị M. Khi ly hôn anh V đồng ý để cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề gì khác.

Xét yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn của của anh V: Hiện cháu Lữ Gia H do chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng đã vắng mặt không làm việc được nên không ghi được ý kiến nguyện vọng của cháu H, theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình khi ly hôn cha mẹ có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên, trường hợp không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi dưỡng thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, xem xét về nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi lên đến dưới 18 tuổi, để đảm bảo quyền lợi của con. Đối với cháu H mặc dù không ghi được ý kiến nguyện vọng nhưng cháu H đang chung sống với mẹ là chị M có cuộc sống ổn định và ý kiến của anh V đồng ý giao

cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cho chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H sau khi anh V, chị M ly hôn là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, không trái với đạo đức xã hội.

[4] Về tài sản chung: Anh V là nguyên đơn xác định tự thỏa tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp giữa chị M và anh V có tranh chấp và yêu cầu thì khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[5] Về nợ chung: Anh V xác định không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh V nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lữ Trung V về việc xin ly hôn với Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Giao cháu Lữ Gia H, sinh ngày 12/11/2012 (hiện đang sống với chị M) cho chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh V không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh V là nguyên đơn xác định tự thỏa tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh V xác định không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình anh V nộp 300.000đ. Vào ngày 22/7/2019, anh V đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0005825 tại Chi cục Thi hành án huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND TT Rạch Gốc, Ngọc Hiển;
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)

Diệp Chí Nguyện